

BÁO CÁO

Về việc thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Công văn số 4280/STC-TCHCSN ngày 24/10/2022 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa về việc báo cáo thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Nhà trường đã tổ chức phổ biến, quán triệt kịp thời các chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, văn bản của Trung ương, UBND tỉnh và các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng nhiều hình thức như thông qua Trang thông tin điện tử của trường, các đợt học tập chính trị, các cuộc họp giao ban, sinh hoạt chuyên môn, trong đó tập trung vào các văn bản như: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP; Thông tư 188/2014/TT/BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương; Thông tư 129/2017/TT-BTC ngày 04/7/2017 của Bộ Tài Chính...qua đó ý thức trách nhiệm của cán bộ, viên chức, người lao động trong trường về công tác này được nâng lên. Nhà trường thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch công tác, bám sát nhiệm vụ được giao, phù hợp với kế hoạch công tác chung của Nhà trường nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Để công tác THTK, CLP được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, nhà trường đã chỉ đạo thực hiện chuyên mục Phòng, chống tham nhũng trên Trang thông tin điện tử của trường và thường xuyên thông tin để mở rộng công tác tuyên truyền đến cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường; đẩy mạnh THTK, CLP gắn với tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về Phòng, chống tham nhũng nhằm góp phần đưa công tác THTK, CLP chuyển biến thành ý thức tự giác của mỗi cán bộ, viên chức, người lao động.

- Căn cứ Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Khánh Hòa. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 2025/QĐ-CĐKTCN ngày 31/12/2021 ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 241/QĐ-CĐKTCN ngày 23/02/2022 Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị tập trung tổ chức thực hiện và thực hiện

đầy đủ các quy định nhằm THPTK, CLP trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị: Tiết kiệm chi phí đi công tác, tiết kiệm chi phí văn phòng, tiết kiệm điện, nước, thông tin liên lạc, cắt giảm tối đa các khoản chi hội nghị...Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định trong công tác quản lý tài chính, trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động. Sử dụng hiệu quả kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý, nhà trường quan tâm đến hiệu quả, chất lượng chuyên môn đạt hiệu quả cao nhưng phải gắn liền với việc THPTK, CLP nhằm thực hiện chi tiêu hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo nguồn kinh phí phát triển nhà trường. Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công khai tài chính theo quy định.

- Về tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính: Trường là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ theo Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 giai đoạn 2019-2021 và Nghị định 60/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/6/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 giai đoạn 2022-2025.

- Trên cơ sở Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và UBND tỉnh, thông qua tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, rà soát ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế thi đua khen thưởng,...góp phần nâng cao hiệu quả đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho nhà trường. Thường xuyên rà soát, ban hành các văn bản liên quan đến chế độ, định mức, chỉ tiêu sử dụng nguồn lực và cơ sở vật chất trong nhà trường.

- Thông qua các cuộc kiểm tra, giám sát nội bộ, các đơn vị đã tăng cường lồng ghép kiểm tra việc triển khai Luật THPTK, CLP, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, hạn chế trong công tác tổ chức và hoạt động của đơn vị nhằm hạn chế thấp nhất, tránh để xảy ra vi phạm, hậu quả nghiêm trọng. Nên trong thời gian qua, chưa phát sinh đơn vị của Trường nào có biểu hiện tham nhũng. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định về THPTK, CLP được quan tâm chỉ đạo tổ chức thường xuyên tại các đơn vị cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Việc thực hiện các tiêu chuẩn định mức, chế độ: Trong quá trình hoạt động nhà trường luôn chấp hành nghiêm túc các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do nhà nước quy định. Cơ quan, đơn vị đều xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022. Tạo điều kiện cho cơ quan được chủ động, chịu trách nhiệm trong quản lý tài chính để tổ chức thực hiện chi tiêu tiết kiệm trong quá trình điều hành theo quy định nhằm đảm bảo minh bạch, dân chủ và công bằng.

- Thực hiện công khai dự toán, quyết toán NSNN theo quy định.

b) THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Lập dự toán và sử dụng dự toán ngân sách giao theo đúng quy định.

- Thực hiện giảm tối đa chi hội nghị, hội thảo, tổ chức lễ hội, sử dụng điện, nước, sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm, các định mức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Công tác quản lý, sử dụng và mua sắm trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại được tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Mua sắm, trang bị phương tiện đi lại đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc theo tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ học tập và làm việc đúng mục đích, đối tượng theo tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phục vụ thiết thực, hiệu quả cho học tập, công việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Bố trí, phân công người quản lý, sử dụng; bảo trì, bảo dưỡng và mở sổ theo dõi các loại phương tiện, thiết bị phục vụ học tập và làm việc.

- Ban hành quy chế nội bộ về sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ học tập và làm việc; giao mục tiêu, tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đến từng bộ phận, cá nhân sử dụng để thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị mới, sửa chữa phương tiện đi lại hoặc thực hiện điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

- Sử dụng phương tiện đi lại tại đơn vị đúng mục đích, đối tượng theo tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao để thực hiện mục tiêu, tiết kiệm được giao.

- Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý phương tiện, thiết bị phục vụ học tập và làm việc không cần sử dụng, sử dụng không hiệu quả hoặc không còn sử dụng được bằng hình thức điều chuyển, thu hồi, thanh lý hoặc bán theo quy định của pháp luật.

- Quá trình sử dụng tài sản công tại đơn vị được sử dụng đúng mục đích, khai thác bảo đảm có hiệu quả các trang thiết bị được mua sắm, không sử dụng tài sản công phục vụ nhu cầu cá nhân.

- Thực hiện kiểm kê, thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành khi tiếp nhận, điều chuyển tài sản và thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Đơn vị được giao quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và các công trình kiến trúc khác gắn liền với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc đã quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

e) THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Thực hiện việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để xây dựng bộ máy tinh gọn, bố trí sắp xếp công việc hiệu quả; điều động, luân chuyển tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức phát huy khả năng chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ.

- Cán bộ, viên chức, người lao động chấp hành và thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc, chấp hành sự phân công, chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị.

- Thời gian lao động trong trường thực hiện theo quy chế, nội quy của cơ quan. Các buổi họp được tiến hành nhanh, gọn, nâng cao chất lượng và hiệu quả, phát huy tinh thần làm việc tích cực của cán bộ, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, viên chức và người lao động, đảm bảo tốt các điều kiện làm việc nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đề ra. Ban Thanh tra nhân dân phối hợp với các đoàn thể trong trường luôn tăng cường công tác giám sát để kịp thời phát hiện những vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm nếu có.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành. Thường xuyên sử dụng hệ thống thư công vụ trong quá trình thực hiện trao đổi công việc. Thực hiện có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành theo đúng quy trình khép kín; thực hiện ký số và gửi văn bản điện tử.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ.

- Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

3. Phân tích, đánh giá:

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Công tác THPTK, CLP đã đạt được những kết quả tích cực là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường và sự phối hợp thực hiện tốt của các đơn vị; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác THPTK, CLP gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường.

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về THPTK, CLP. Các biện pháp THPTK, CLP ngày càng được quan tâm chú trọng chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ.

- Năm 2022, thực hiện kế hoạch giao ngân sách tiết kiệm chi thường xuyên 10% với số tiền 874 triệu đồng.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Cần tiếp tục nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm của cán bộ, viên chức, người lao động cũng như công tác tuyên truyền về THPTK, CLP để phát huy tối đa hiệu quả THPTK, CLP.

(Phụ lục kèm theo)

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật THPTK, CLP đến cán bộ, viên chức và người lao động trong thực thi công vụ và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), kế hoạch của UBND tỉnh.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả đúng quy định các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Thực hiện chi ngân sách theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả các nguồn kinh phí.

- Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu và xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong quản lý sử dụng NSNN. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát THPTK, CLP thường xuyên tại đơn vị. Tuân thủ chế độ THPTK, CLP trong công tác quản lý tài chính, tổ chức bộ máy, tài sản nhà nước.

2. Các giải pháp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cán bộ, viên chức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong THPTK, CLP.

- Tăng cường vai trò giám sát việc THPTK, CLP của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức tốt việc tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin về THPTK, CLP đúng quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh hơn nữa thủ tục cải cách hành chính ở các lĩnh vực công tác của trường.

- Tăng cường công tác giám sát thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, vận động cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị thực hiện tốt công tác THPTK, CLP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, KH-TC, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lục

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số 1755/BC-CDKTCN ngày 31 tháng 10 năm 2022 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha trang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch báo cáo	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	4	4	4	1.00	1	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	3	4	4	1.33	1	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	2	1	1	0.50	1	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0	0	0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							

1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	852	1.023	973	114	95	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	129.216	184.580	89.000	68.88	48.22	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	124.784	258.762	527.000	422.33	203.66	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	10.124	247.972	13.000	128.41	5.24	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	111.433	37.170	143.000	128.33	384.72	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	42.519	144.676	15.000	35.28	10.37	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						

	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng							
	<i>Các nội dung khác</i>								
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng							
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng							
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng							
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng							
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng							
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị							
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị							
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng							
4	Các nội dung khác								
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước								
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	2	1	1				
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc							
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc							
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng							
2	Tài sản khác								
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản							

2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	275.552.9	275.552.9	275.552.9			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						

2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số 1755/BC-CDKTCN ngày 31 tháng 10 năm 2022 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha trang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch báo cáo	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	4	4	4	1.00	1	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	3	4	4	1.33	1	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	2	1	1	0.50	1	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0	0	0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							

1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	852	1.023	973	114	95	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	129.216	184.580	89.000	68.88	48.22	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	124.784	258.762	527.000	422.33	203.66	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	10.124	247.972	13.000	128.41	5.24	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	111.433	37.170	143.000	128.33	384.72	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	42.519	144.676	15.000	35.28	10.37	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						

	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng							
	<i>Các nội dung khác</i>								
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng							
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng							
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng							
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng							
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng							
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị							
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị							
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng							
4	Các nội dung khác								
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước								
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	2	1	1				
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc							
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc							
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng							
2	Tài sản khác								
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản							

2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	275.552.9	275.552.9	275.552.9			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						

2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							